

Số: 262 /KH-UBND

Hà Nội, ngày 07 tháng 7 năm 2026

KẾ HOẠCH

**Thực hiện Nghị quyết số 109/NQ-CP ngày 16/4/2026 của Chính phủ
về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng và
Kết luận số 18-KL/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV**

Thực hiện Kết luận số 18-KL/TW ngày 02/4/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tài chính quốc gia và vay, trả nợ công, đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 gắn với mục tiêu tăng trưởng “2 con số”; Nghị quyết số 109/NQ-CP ngày 16/4/2026 của Chính phủ về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng và Kết luận số 18-KL/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV;

Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 109/NQ-CP với các nội dung chủ yếu như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Quán triệt và tổ chức thực hiện nghiêm túc, đồng bộ các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp theo Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, các kết luận, chỉ đạo của Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Chính phủ và Thành ủy Hà Nội; phát huy vai trò quản lý, điều hành kiến tạo phát triển của Ủy ban nhân dân Thành phố; nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các sở, ban, ngành, UBND xã, phường; phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố, các tổ chức chính trị - xã hội, cộng đồng doanh nghiệp và Nhân dân Thủ đô trong tổ chức thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2026 - 2030.

2. Cụ thể hóa đầy đủ, kịp thời các quan điểm, định hướng lớn, các nhiệm vụ trọng tâm, đột phá chiến lược theo Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng, Kết luận số 18-KL/TW và các nghị quyết, chương trình hành động của Trung ương, Thành ủy Hà Nội phù hợp với điều kiện thực tiễn của Thủ đô; tập trung triển khai quyết liệt các giải pháp nhằm thực hiện mục tiêu tăng trưởng GRDP bình quân giai đoạn 2026 - 2030 đạt từ 11% trở lên. Chủ động đánh giá sát tình hình, xây dựng các kịch bản tăng trưởng linh hoạt, thích ứng hiệu quả với biến động của tình hình thế giới và trong nước; quyết tâm tạo chuyển biến rõ nét ngay từ năm 2026, làm nền tảng cho giai đoạn bứt phá 2027 - 2030.

3. Chương trình hành động của Ủy ban nhân dân Thành phố là căn cứ để các sở, ban, ngành, đơn vị thuộc Thành phố và UBND các xã, phường xây dựng kế hoạch, chương trình hành động cụ thể theo chức năng, nhiệm vụ được giao; xác

định rõ mục tiêu, nhiệm vụ, tiến độ, sản phẩm đầu ra, trách nhiệm người đứng đầu và cơ chế phối hợp thực hiện; bảo đảm tổ chức triển khai đồng bộ, quyết liệt, hiệu quả, có trọng tâm, trọng điểm. Đồng thời là cơ sở để kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện hằng tháng, hằng quý và hằng năm, gắn với trách nhiệm giải trình, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị và người đứng đầu.

4. Đẩy mạnh hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách đặc thù theo Luật Thủ đô năm 2026; tập trung tháo gỡ các điểm nghẽn về quy hoạch, đầu tư, đất đai, giải phóng mặt bằng, thủ tục hành chính và phân bổ nguồn lực; khơi thông, huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực xã hội cho đầu tư phát triển. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền thực chất gắn với tăng cường kiểm tra, giám sát, nâng cao năng lực thực thi của các cấp chính quyền địa phương; thúc đẩy cải cách hành chính, chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số; phát triển mạnh khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, các động lực tăng trưởng mới, các mô hình kinh tế mới như kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế ban đêm, kinh tế số, kinh tế sáng tạo. Bảo đảm phát triển kinh tế hài hòa với phát triển văn hóa, xã hội, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu.

5. Bảo đảm quản lý chặt chẽ, hiệu quả, công khai, minh bạch các nguồn lực tài chính - ngân sách; giữ vững an toàn tài chính địa phương; nâng cao hiệu quả đầu tư công theo hướng tập trung, trọng tâm, trọng điểm, ưu tiên các công trình hạ tầng chiến lược, dự án trọng điểm, liên vùng, có tính lan tỏa lớn, tạo động lực phát triển dài hạn cho Thủ đô như các tuyến vành đai, cầu qua sông Hồng, hệ thống đường sắt đô thị, hạ tầng số, logistics, hạ tầng văn hóa - xã hội. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương tài chính - ngân sách; phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong quản lý và sử dụng tài sản công, đầu tư công và các nguồn lực xã hội.

6. Trong quá trình tổ chức thực hiện, các sở, ban, ngành, đơn vị và UBND xã phường đề cao trách nhiệm nêu gương, tinh thần dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung của đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu. Xây dựng nền hành chính phục vụ, chuyên nghiệp, hiện đại, liêm chính, hiệu lực, hiệu quả; lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ; nâng cao mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp; tạo chuyển biến thực chất về môi trường đầu tư, kinh doanh và năng lực cạnh tranh của Thủ đô.

7. Phát huy cao độ truyền thống văn hiến, anh hùng, đoàn kết, sáng tạo của Thủ đô; tăng cường sự đồng thuận xã hội, huy động sự tham gia tích cực của cộng đồng doanh nghiệp, đội ngũ trí thức, nhà khoa học và các tầng lớp Nhân dân trong thực hiện các mục tiêu phát triển Thủ đô nhanh, bền vững, văn minh, hiện đại; xây dựng Hà Nội thực sự là trung tâm đầu não chính trị - hành chính quốc gia, trung tâm lớn về kinh tế, văn hóa, giáo dục, khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và hội nhập quốc tế; đóng vai trò cực tăng trưởng, động lực phát triển của vùng Đồng bằng sông Hồng và cả nước.

II. CHỈ TIÊU CHỦ YẾU ĐẾN NĂM 2030

1. Các chỉ tiêu phát triển kinh tế-xã hội theo Chương trình hành động số 07-CTr/TU ngày 15/02/2026 của Thành ủy thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu

toàn quốc lần thứ XIV của Đảng; Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 26/3/2026 của HĐND Thành phố về kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội 5 năm 2026-2030.

2. Các chỉ tiêu cập nhật, bổ sung theo Kết luận số 18-KL/TW và Nghị quyết 109/NP-CP ngày 16/4/2026.

(Phụ lục 1 chỉ tiêu kèm theo)

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU PHÁT TRIỂN KINH TẾ-XÃ HỘI 5 NĂM 2026-2030

Nhằm đạt được các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra tại Nghị quyết số 109/NQ-CP ngày 16/4/2026 của Chính phủ, cùng với việc thực hiện những nhiệm vụ đã được giao các Sở, ban, ngành, UBND xã, phường thực hiện tại Kế hoạch số 32-KH/ĐUUB ngày 16/3/2026 thực hiện Chương trình hành động số 07-CTr/TU ngày 15/02/2026 của Thành ủy thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng và Chương trình hành động số 04/CTr-UBND ngày 10/6/2026 của Thành phố thực hiện Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 26/3/2026 của HĐND Thành phố về kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội 5 năm 2026-2030, theo chức năng, nhiệm vụ, các Sở, ban, ngành, UBND xã, phường cụ thể hóa và tổ chức triển khai quyết liệt, trọng tâm các nhiệm vụ sau:

1. Đổi mới quản trị thực thi để tiếp tục thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế “2 con số”

1.1. Giao các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường:

- Tiếp tục quán triệt sâu sắc các nghị quyết, kết luận của Trung ương, Thành ủy về mục tiêu tăng trưởng kinh tế “2 con số”, xác định đây là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, xuyên suốt của cả hệ thống chính trị trong giai đoạn 2026–2030; tập trung đổi mới mạnh mẽ tư duy quản lý sang tư duy kiến tạo phát triển, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản trị điều hành và tổ chức thực hiện. Tăng cường tuyên truyền, vận động, hành động nêu gương để củng cố niềm tin, khát vọng phát triển của cộng đồng doanh nghiệp, người dân và toàn xã hội.

- Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính; nâng cao tinh thần trách nhiệm, đạo đức công vụ, văn hóa thực thi; thực hiện nghiêm phương châm “rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ tiến độ, rõ kết quả, rõ thẩm quyền”; chủ động phối hợp liên thông, không đùn đẩy, né tránh trách nhiệm, bảo đảm mọi nhiệm vụ được triển khai quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả, góp phần hoàn thành mục tiêu tăng trưởng GRDP của Thành phố đạt từ 11% trở lên trong năm 2026 và duy trì tăng trưởng “2 con số” trong giai đoạn 2026-2030.

1.2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các xã, phường chịu trách nhiệm trực tiếp trước UBND Thành phố về kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu tăng trưởng thuộc ngành, lĩnh vực, địa bàn quản lý; khản trương rà soát, cụ thể hóa thành các chương trình, kế hoạch công tác hằng năm, xác định rõ nhiệm vụ, tiến độ, sản phẩm đầu ra, trách nhiệm từng đơn vị, cá nhân; gắn kết quả thực hiện với công tác kiểm điểm, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của tập thể, người đứng đầu và cán bộ, công chức, viên chức.

1.3. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ, Văn phòng UBND Thành phố và các đơn vị liên quan tham mưu UBND Thành phố xây dựng cơ chế theo dõi, giám sát, đánh giá định kỳ việc thực hiện các chỉ tiêu tăng trưởng; thiết lập hệ thống kiểm đếm theo tháng, quý đối với từng ngành, lĩnh vực, địa phương; kịp thời tham mưu điều chỉnh kịch bản tăng trưởng, tháo gỡ khó khăn, xử lý các nhiệm vụ chậm tiến độ, không đạt yêu cầu.

1.4. Giao Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Du lịch, Sở Khoa học và Công nghệ, Cơ quan Báo và Phát thanh, Truyền hình Hà Nội đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, tạo khí thế thi đua, khơi dậy tinh thần đổi mới sáng tạo, khát vọng phát triển Thủ đô; tăng cường truyền thông về các mô hình tốt, cách làm hiệu quả, gương điển hình tiên tiến; củng cố niềm tin, sự đồng thuận của cộng đồng doanh nghiệp, người dân và toàn xã hội đối với mục tiêu tăng trưởng nhanh, bền vững của Thành phố.

2. Hoàn thiện thể chế, cải cách hành chính, huy động mọi nguồn lực và tạo động lực cho phát triển

2.1. Giao các sở, ban, ngành: Rà soát, đề xuất xây dựng quy chuẩn, tiêu chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí, đơn giá, giá dịch vụ thuộc phạm vi quản lý. Chủ động thực hiện nhiệm vụ về xây dựng văn bản thi hành Luật Thủ đô để tổ chức thi hành Luật Thủ đô theo Kế hoạch số 177/KH-UBND ngày 01/5/2026 của UBND Thành phố về việc tổ chức thi hành Luật Thủ đô (sửa đổi) và văn bản số 2283/UBND-NC ngày 25/5/2026 của UBND Thành phố về xây dựng văn bản triển khai thi hành Luật Thủ đô; rà soát tổng thể hệ thống văn bản quy phạm pháp luật do Thành phố Hà Nội ban hành thực hiện Kế hoạch số 169/KH-UBND ngày 24/4/2026 của UBND Thành phố.

2.2. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan:

- Khẩn trương hoàn thiện kế hoạch của UBND Thành phố thực hiện Chương trình hành động số 12-CTr/TU ngày 29/4/2026 của Ban Thường vụ Thành ủy Hà Nội nhằm thực hiện Nghị quyết số 02-NQ/TW ngày 17/3/2026 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển Thủ đô Hà Nội trong kỷ nguyên mới.

- Tham mưu cơ chế, chính sách, giải pháp phù hợp với yêu cầu phát triển Thủ đô và quy định của pháp luật để huy động các nguồn lực thực hiện quy hoạch. Chỉ đạo rà soát các dự án đầu tư đang được tổ chức thẩm định hoặc đã được cấp thẩm quyền chấp thuận chủ trương theo Quy hoạch Thủ đô Hà Nội thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1569/QĐ-TTg ngày 12/12/2024, Điều chỉnh Quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1668/QĐ-TTg ngày 27/12/2024 và các quy hoạch chuyên ngành đã được duyệt để xác định các nội dung còn phù hợp, kế thừa phát triển, thực hiện phù hợp với Quy hoạch tổng thể Thủ đô Hà Nội tầm nhìn 100 năm được duyệt.

2.3. Sở Quy hoạch, kiến trúc chủ trì, phối hợp Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị liên quan:

Tham mưu UBND Thành phố ban hành Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tổng thể Thủ đô Hà Nội tầm nhìn 100 năm. Chỉ đạo rà soát các nhiệm vụ, quy hoạch, dự án đầu tư đang được tổ chức lập, thẩm định hoặc đã được cấp thẩm quyền phê duyệt, chấp thuận chủ trương theo Điều chỉnh Quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1668/QĐ-TTg ngày 27/12/2024 và các quy hoạch chuyên ngành đã được duyệt để xác định các nội dung còn phù hợp, kế thừa phát triển, thực hiện phù hợp với Quy hoạch tổng thể Thủ đô Hà Nội tầm nhìn 100 năm được duyệt.

3. Xác lập mô hình tăng trưởng mới, cơ cấu lại nền kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hóa, lấy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm động lực chính

3.1. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan:

- Tham mưu UBND Thành phố xây dựng kịch bản điều hành tăng trưởng GRDP hằng năm và giai đoạn 2026–2030 theo từng quý, từng ngành, từng địa bàn; theo dõi sát các động lực tăng trưởng đầu tư, tiêu dùng, xuất khẩu, kinh tế số và đổi mới sáng tạo; Nghiên cứu, xây dựng cơ chế huy động nguồn lực xã hội, mở rộng các mô hình PPP trong đầu tư hạ tầng chiến lược, hạ tầng số, logistics, môi trường, y tế, giáo dục và văn hóa.

- Rà soát, cơ cấu lại chi ngân sách theo hướng tăng tỷ trọng chi đầu tư phát triển; ưu tiên bố trí nguồn lực cho các công trình trọng điểm, các dự án chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo, trung tâm dữ liệu và hạ tầng khoa học công nghệ.

- Tham mưu cơ chế khai thác hiệu quả tài sản công, quỹ đất, nguồn lực dữ liệu; nghiên cứu các mô hình tài chính xanh, tín chỉ carbon, trái phiếu xanh và các quỹ đầu tư đổi mới sáng tạo của Thành phố.

3.2. Giao Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh Khu vực I chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Công Thương, Sở Khoa học và Công nghệ, Công an Thành phố, Thuế Hà Nội và các đơn vị liên quan:

- Tiếp tục triển khai đồng bộ các giải pháp hiện đại hóa hệ thống ngân hàng và hoạt động của các tổ chức tín dụng trên địa bàn; thúc đẩy chuyển đổi số trong hoạt động ngân hàng, thanh toán không dùng tiền mặt, phát triển ngân hàng số, nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ tài chính - tín dụng phục vụ người dân và doanh nghiệp.

- Tăng cường công tác thanh tra, giám sát, phối hợp kiểm tra, kiểm soát hoạt động của các tổ chức tín dụng, kịp thời phát hiện, xử lý các tồn tại, rủi ro, vi phạm trong hoạt động tín dụng, góp phần bảo đảm an toàn hệ thống, hạn chế tình trạng sở hữu chéo, đầu tư chéo và các hành vi tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn tài chính, tiền tệ trên địa bàn Thành phố theo quy định của pháp luật.

- Chỉ đạo các tổ chức tín dụng tập trung nâng cao chất lượng tín dụng, hướng dòng vốn vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, lĩnh vực ưu tiên, các động lực tăng trưởng mới của Thành phố; tăng cường khả năng tiếp cận tín dụng cho

doanh nghiệp nhỏ và vừa, hộ kinh doanh, hợp tác xã, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ, doanh nghiệp công nghệ cao và các dự án chuyển đổi xanh, chuyển đổi số; đồng thời kiểm soát chặt chẽ tín dụng đối với các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro.

3.3. Giao Thuế thành phố Hà Nội chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan:

- Xây dựng mô hình phân tích rủi ro tự động từ đó đánh giá sức khỏe doanh nghiệp toàn diện trên cơ sở dữ liệu lớn của ngành thuế và các bên phối hợp, cho phép nhận diện các nhóm doanh nghiệp theo mức độ rủi ro, tiềm năng và xu thế phát triển, làm cơ sở để dự báo điều hành thu ngân sách, chống thất thu ngân sách nhà nước và hỗ trợ cho nhóm người nộp thuế tuân thủ tốt.

- Mở rộng hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền theo chiều sâu, kiểm soát dữ liệu theo ngành nghề, theo loại hàng hóa, dịch vụ, theo chuỗi cửa hàng, khung giờ, mức doanh thu bình quân, lấy đây làm công cụ then chốt để quản lý bán lẻ, ăn uống, lưu trú, dịch vụ, vui chơi giải trí. Ứng dụng chạy chuỗi hóa đơn để kiểm soát rủi ro trong công tác quản lý thuế.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu nguồn thu chi tiết theo đến từng địa bàn hành chính phường, xã; Nuôi dưỡng nguồn thu đi đôi với khai thác nguồn thu, kết hợp với việc đa dạng phương pháp hỗ trợ nhà đầu tư theo từng nhóm đối tượng.

3.4. Giao Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan:

- Tổ chức thực hiện hiệu quả Kế hoạch số 109/KH-UBND ngày 16/3/2026 của UBND Thành phố đổi mới công nghệ các ngành kinh tế mũi nhọn thành phố đến năm 2035. Xây dựng một số ngành, sản phẩm công nghiệp sử dụng công nghệ hiện đại, thân thiện môi trường và có giá trị gia tăng cao, đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu nội bộ ngành chế biến, chế tạo theo hướng công nghiệp xanh, tuần hoàn, phát thải cacbon thấp và phát triển mạnh các ngành công nghiệp ứng dụng công nghệ cao; chuyển dịch và giảm tỷ trọng gia công, lắp ráp, chuyển sang các sản phẩm theo hướng “Make in Viet Nam” - sáng tạo tại Việt Nam, thiết kế tại Việt Nam và sản xuất tại Việt Nam.

- Đẩy mạnh phát triển công nghiệp hỗ trợ phục vụ các ngành công nghiệp ưu tiên, có thể mạnh của thành phố và lan toả cho cả vùng Đồng bằng sông Hồng.

- Nghiên cứu, đề xuất tiêu chí, tiêu chuẩn, điều kiện phát triển đối với loại hình Trung tâm mua sắm Outlet; nghiên cứu mô hình chợ đầu mối quốc tế nông sản hiện đại; mô hình trung tâm logistics tích hợp; mô hình hỗn hợp kết hợp chợ đầu mối, logistics, trung tâm bán buôn, outlet, trung tâm mua sắm và dịch vụ phụ trợ.

- Triển khai thực hiện đồng thời công tác giải phóng mặt bằng, xây dựng hạ tầng kỹ thuật với công tác xúc tiến kêu gọi các nhà đầu tư thứ cấp vào đầu tư sản xuất, kinh doanh trong cụm công nghiệp theo quy định của pháp luật.

3.5. Giao Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan:

- Hoàn thành công tác giải phóng mặt bằng Khu công nghệ cao Hòa Lạc, Khu công nghệ cao sinh học Hà Nội và các Khu công nghiệp đã được thành lập.

- Từng bước triển khai mô hình khu công nghiệp sinh thái, khu công nghiệp công nghệ cao, khu công nghiệp chuyên ngành...; áp dụng các giải pháp sản xuất sạch hơn, tiết kiệm năng lượng và kinh tế tuần hoàn.

- Xây dựng cơ chế kết nối doanh nghiệp FDI với doanh nghiệp trong nước trong các khu công nghiệp, khu công nghệ cao; thúc đẩy hình thành các cụm liên kết ngành và chuỗi cung ứng nội địa.

3.6. Giao Sở Quy hoạch kiến trúc chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan:

- Rà soát, chuyển đổi các khu công nghiệp, cụm công nghiệp không còn phù hợp định hướng không gian phát triển mới của Thủ đô; bổ sung mới các khu công nghiệp, cụm công nghiệp phù hợp với thực tiễn sau khi thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp.

- Rà soát, hoàn thiện dứt điểm quy hoạch đối với các dự án chưa xác định rõ vị trí, ranh giới; trong đó ưu tiên các dự án Chợ đầu mối Phù Đổng, Chợ đầu mối Quang Minh, Chợ đầu mối Quốc Oai và Trung tâm mua sắm Outlet Phúc Thịnh.

- Phối hợp với các địa phương đề xuất với Thành phố về việc giao nhiệm vụ lập các quy hoạch phân khu chức năng du lịch tại các khu vực dự kiến phát triển khu du lịch quốc gia, khu du lịch Thành phố theo quy hoạch Thủ đô tầm nhìn 100 năm.

3.7. Giao Sở Du lịch chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan:

- Xây dựng và phát triển sản phẩm du lịch văn hóa, ẩm thực đặc sắc gắn với khai thác không gian văn hoá - lịch sử, phố cổ - Hồ Tây - sông Hồng và các khu vực có tiềm năng, lợi thế, tạo nên nét đặc sắc, hấp dẫn của Thủ đô Hà Nội”, tiếp tục phát triển tuyến du lịch từ trung tâm Thành phố tới phía tây, phía bắc, phía đông. Tiếp tục nâng cao chất lượng dịch vụ tại các không gian, tuyến phố đi bộ, tuyến phố ẩm thực... Tổ chức các sự kiện, chương trình, hoạt động quảng bá, xúc tiến du lịch trong nước và quốc tế theo hướng chuyên nghiệp, hiệu quả; Đẩy mạnh chuyển đổi số gắn với hình thành và phát triển hệ sinh thái du lịch thông minh.

- Xây dựng các sản phẩm du lịch nông nghiệp nông thôn mới tại các xã Đa Phúc, Minh Châu, Phúc Lộc,... mô hình cộng đồng tại xã Yên Xuân,... Phối hợp với Tổng công ty đường sắt và tỉnh Thái Nguyên triển khai xây dựng tuyến du lịch đường sắt Hà Nội - Thái Nguyên.

3.8. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan:

- Chủ trì rà soát, cập nhật quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; hướng dẫn, hỗ trợ xử lý thủ tục đất đai, môi trường, giải phóng mặt bằng; tham mưu UBND Thành phố trình HĐND Thành phố phê duyệt danh mục khu đất thực hiện đấu thầu dự án đầu tư có sử dụng đất hoặc đấu giá quyền sử dụng đất đối với các dự án đủ điều kiện.

- Hỗ trợ phát triển các làng nghề truyền thống, ngành nghề tiểu thủ công nghiệp kết hợp với phát triển du lịch; trong đó tập trung phát triển các sản phẩm làng nghề.

3.9. Giao Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan:

- Khuyến khích nghiên cứu và sản xuất, sử dụng các loại vật liệu mới thay thế các vật liệu truyền thống, thân thiện với môi trường. Đầu tư ứng dụng kỹ thuật mới, tiên tiến vào sản xuất các loại vật liệu mới, vật liệu cao cấp, vật liệu tổng hợp phục vụ sản xuất công nghiệp và xây dựng.

- Hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, quản lý phương tiện, tối ưu hóa tuyến và giảm chi phí vận tải.

3.10. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan:

Tham mưu UBND Thành phố xây dựng cơ chế thu hút đầu tư có chọn lọc, ưu tiên các dự án FDI công nghệ cao, trung tâm nghiên cứu và phát triển (R&D), đổi mới sáng tạo, bán dẫn, trí tuệ nhân tạo (AI), công nghệ sinh học, công nghiệp hỗ trợ và các lĩnh vực có giá trị gia tăng cao; xây dựng các chính sách hỗ trợ đầu tư theo hướng chuyển từ ưu đãi đầu vào sang ưu đãi theo kết quả đầu ra; đề xuất cơ chế khuyến khích doanh nghiệp FDI thực hiện chuyển giao công nghệ, đào tạo nhân lực và liên kết với doanh nghiệp trong nước.

4. Hiện đại hóa nền giáo dục quốc dân; thu hút, trọng dụng nhân tài

4.1. Giao Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan: - Tập trung triển khai hiệu quả các chương trình, đề án về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; Chương trình hành động số 05-CTr/TU ngày 12/01/2026 của Thành ủy Hà Nội về thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị; tập trung thực hiện các nhiệm vụ được giao tại các nghị quyết, chương trình, kế hoạch của Trung ương và Thành phố về phát triển giáo dục và đào tạo.

- Rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển giáo dục và đào tạo trên địa bàn Thành phố; nghiên cứu, đề xuất các chính sách hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, nhân lực có kỹ năng nghề, nhân lực khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phục vụ các chương trình, dự án trọng điểm của Thành phố.

- Hoàn thành công tác xây dựng và triển khai hệ thống học liệu số LMS (hệ thống quản lý học tập) hỗ trợ giáo viên, nhà trường và học sinh tổ chức, giao, thực hiện, và đánh giá quá trình học tập một cách hiệu quả, minh bạch và linh hoạt.

4.2. Giao Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan: Nghiên cứu, tăng cường đào tạo theo vị trí việc làm, nâng cao năng lực số, năng lực quản trị dữ liệu, an toàn thông tin, đặt hàng bài toán công nghệ và quản lý dự án đổi mới sáng tạo cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nhất là cấp cơ sở.

5. Đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

5.1. Giao các Sở, ban ngành, UBND các xã phường: Bám sát các mục tiêu tại Kế hoạch hành động số 20-KH/BCĐ57 của Ban Chỉ đạo 57 Thành ủy và Kế hoạch số 38/KH-UBND ngày 26/01/2026 của UBND Thành phố triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị khẩn trương xử lý dứt điểm các nhiệm vụ, dự án đang chậm, muộn với tinh thần kỷ luật thực thi, rõ trách nhiệm, rõ thẩm quyền.

5.2. Giao Sở Khoa học và công nghệ chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan:

- Hoàn thiện và ban hành danh mục các chương trình nghiên cứu trọng điểm cấp Thành phố, có tính liên ngành, liên cơ sở gắn trực tiếp với hệ thống “bài toán lớn” của Thủ đô; tập trung vào các lĩnh vực then chốt như: Đô thị thông minh, phát triển bền vững, môi trường - năng lượng, giao thông, y tế - giáo dục, kinh tế số, quản trị công và các lĩnh vực ưu tiên khác của Thủ đô.

- Hướng dẫn các sở, ban, ngành, UBND cấp xã tích hợp, mở chia sẻ toàn bộ dữ liệu thuộc phạm vi quản lý để đồng bộ vào kho dữ liệu tập trung của Thành phố.

- Hoàn thành rà soát, đánh giá hiện trạng và chất lượng dữ liệu đất đai do Sở Nông nghiệp và Môi trường quản lý (bao gồm dữ liệu do UBND cấp xã và Văn phòng Đăng ký đất đai quản lý); thực hiện tích hợp, kết nối và khai thác dữ liệu đất đai trong Kho cơ sở dữ liệu tập trung của Thành phố. Đồng thời, triển khai tương tự đối với dữ liệu quy hoạch; thực hiện tích hợp, liên thông với hệ thống bản đồ quy hoạch và các bản đồ chuyên ngành để từng bước hình thành nền tảng dữ liệu không gian dùng chung, phục vụ người dân, doanh nghiệp và nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành của Thành phố.

6. Phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, khai thác hiệu quả không gian phát triển mới, lấy đô thị làm động lực phát triển vùng và đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới

6.1. Giao Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan

- Tập trung triển khai các dự án trọng điểm, dự án quan trọng: 07 cầu qua sông Hồng (cầu Tứ Liên, cầu Ngọc Hồi, cầu Trần Hưng Đạo, cầu Thượng Cát, cầu Vân Phúc, cầu Hồng Hà, cầu Mễ Sở); các tuyến đường vành đai (Vành đai 4, Vành đai 2,5, Vành Đai 3,5 từ cầu Thượng Cát đến QL32); tuyến đường quốc lộ (đường Quốc lộ 6 đoạn Ba La - Xuân Mai, đường Quốc lộ 1A đã hoàn thành vào quý I/2026); ngoài ra tiếp tục đôn đốc triển khai các dự án chuyển tiếp khác đảm bảo tiến độ dự án.

- Đẩy nhanh công tác chuẩn bị đầu tư, chuẩn bị dự án, khẩn trương hoàn thiện các thủ tục đủ điều kiện để khởi công các dự án mới. Khởi công 05 dự án: 03 dự án hầm chui (hầm chui đường Hoàng Quốc Việt kéo dài với đường Phạm Văn Đồng và kết nối với phố Trần Vỹ; hầm chui tại nút giao đường trục Tây Thăng Long - Vành đai 3; hầm chui tại nút giao đường Mễ Trì - Dương Đình Nghệ - Vành đai 3); 01 dự án cầu vượt nút giao đường Lê Trọng Tấn, Hà Đông và Quốc lộ 6; 01 dự án đường Quốc lộ 32 đoạn Sơn Tây đến cầu Trung Hà ngay trong Quý III/2026.

6.2. Giao Sở Quy hoạch và kiến trúc chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan

- Xây dựng Kế hoạch thực hiện quy hoạch nhằm cụ thể hóa lộ trình triển khai Quy hoạch tổng thể Thủ đô Hà Nội, tầm nhìn 100 năm được phê duyệt. Kế hoạch này là công cụ thực thi, cụ thể hóa các khu vực đô thị để quản lý việc đầu tư, tránh phát triển tràn lan, dàn trải, thiếu hiệu quả.

- Rà soát, điều chỉnh Quyết định số 4202/QĐ-UBND ngày 12/8/2025 của UBND Thành phố về việc ban hành Kế hoạch cụ thể hóa đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065 (đợt 1). Đảm bảo phủ kín quy hoạch trên địa bàn Thành phố, vận dụng quy định tại Nghị quyết 258/2025/QH15 để thực hiện các dự án lớn, quan trọng trên địa bàn Thủ đô dự kiến hoàn thành toàn bộ trong giai đoạn 2026 - 2027.

- Căn cứ Quy hoạch tổng thể Thủ đô tầm nhìn 100 năm được UBND Thành phố phê duyệt thực hiện lập, điều chỉnh Chương trình phát triển đô thị (xây dựng lộ trình nâng loại đô thị và thành lập đơn vị hành chính đô thị các giai đoạn 2026 - 2035, 2036 - 2045); chủ trì, khẩn trương triển khai nghiên cứu lập và thẩm định hồ sơ Quy chế quản lý kiến trúc toàn Thành phố.

6.3. Giao Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan:

- Khẩn trương đẩy nhanh các thủ tục để đảm bảo khởi công đối với 50 dự án nhà ở xã hội đã được UBND Thành phố chấp thuận giao chủ đầu tư, chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời giao chủ đầu tư chậm nhất trong tháng 8/2026; đủ điều kiện cung ứng ra thị trường trong năm 2026.

- Tập trung triển khai các dự án nhà ở xã hội giai đoạn 2026-2030 với khoảng 300.000 căn hộ (không bao gồm nhà ở cho lực lượng vũ trang). Đồng thời, tiếp tục rà soát, chuẩn bị quỹ đất phát triển nhà ở xã hội để công bố công khai, triển khai trong giai đoạn 2028-2030, phục vụ nhu cầu nhà ở xã hội của Thành phố giai đoạn 2030-2035.

- Triển khai tạo lập quỹ nhà ở cho thuê của Thành phố theo quy định tại Nghị định số 302/2025/NĐ-CP của Chính phủ.

6.4. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan: Tham mưu UBND Thành phố Kế hoạch thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026–2030; Bộ tiêu chí xây dựng xã nông thôn mới, xã nông thôn mới hiện đại giai đoạn 2026–2030 trên địa bàn Thành phố; Kế hoạch thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) năm 2026 và giai đoạn 2026 - 2030.

7. Phát triển văn hóa, xã hội; tập trung nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và sức khỏe của Nhân dân

7.1. Giao Viện Nghiên cứu phát triển kinh tế - xã hội chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan: Đẩy nhanh tiến độ xây dựng hệ giá trị, chuẩn mực

ứng xử của người Hà Nội; Bộ tiêu chí người Hà Nội thanh lịch, văn minh; Bộ tiêu chí đánh giá Chỉ số hạnh phúc của người dân Thủ đô.

7.2. Giao Sở Văn hóa và Thể thao chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan: Hoàn thiện Kế hoạch phát triển công nghiệp văn hóa Hà Nội giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2045; nghiên cứu hình thành các trung tâm công nghiệp văn hóa, không gian sáng tạo, khu thương mại - văn hóa và các sản phẩm văn hóa đặc trưng của Thủ đô

7.3. Giao Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan: Tham mưu UBND Thành phố ban hành Kế hoạch hỗ trợ đào tạo nghề, đào tạo lại nghề và giải quyết việc làm cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, dân tộc thiểu số, lao động là người khuyết tật, người cao tuổi, người chấp hành xong hình phạt tù, người sau cai nghiện ma túy, lao động nông thôn, lao động có đất thu hồi, lao động hưởng bảo hiểm thất nghiệp, thanh niên trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2026 - 2030

7.4. Giao Sở Y tế chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan:

- Triển khai thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ tại Chương trình hành động số 06-CTr/TU ngày 12/01/2026 của Ban Thường vụ Thành ủy Hà Nội về việc thực hiện Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09 tháng 9 năm 2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân, Kế hoạch số 71/KH-UBND ngày 26/02/2026 của UBND Thành phố về việc thực hiện Chương trình hành động số 06-CTr/TU ngày 12/01/2026 của Ban Thường vụ Thành ủy Hà Nội về việc thực hiện Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09 tháng 9 năm 2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân.

- Xây dựng Đề án thành lập Trung tâm đào tạo và chuyển giao công nghệ ngành y tế Hà Nội.

- Hình thành hệ thống y tế tư nhân chất lượng cao; phát triển mô hình bác sĩ gia đình trong chăm sóc sức khỏe ban đầu của người dân; Hình thành hệ thống khám chữa bệnh theo mô hình liên kết giữa các bệnh viện, trung tâm chuyên khoa thành phố với y tế tư nhân, giải quyết căn bản tình trạng quá tải của các bệnh viện.

8. Quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên, tăng cường bảo vệ môi trường, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai

8.1. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan: Đẩy nhanh tiến độ cấp phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường (cát, đá), bảo đảm nguồn cung ổn định, giảm áp lực tăng giá từ phía nguồn cung.

8.2. Giao Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan:

- Tham mưu UBND Thành phố xây dựng Quyết định thay thế Quyết định số 34/2022/QĐ-UBND ngày 10/10/2022 của UBND Thành phố về việc ban hành

Quy định tổ chức, quản lý, khai thác hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn thành phố Hà Nội.

- Triển khai quyết liệt, có hiệu quả đối với các Quyết định số 2066/QĐ UBND ngày 16/4/2025; Quyết định số 6004/QĐ-UBND ngày 18/11/2024 nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ và sản lượng vận tải hành khách công cộng trên địa bàn Thành phố, từng bước chuyển đổi từ xe sử dụng nhiên liệu diezen sang xe sử dụng năng lượng điện, thân thiện với môi trường để giảm phát thải, thúc đẩy người dân sử dụng phương tiện VTHKCC.

- Phát triển các tuyến buýt sử dụng điện, năng lượng xanh kết nối với các tuyến đường sắt đô thị, các khu đô thị mới, trung tâm triển lãm quốc gia, bảo tàng.

- Xây dựng quy chuẩn kỹ thuật về an toàn trụ sạc, pin điện chủ động nghiên cứu; Xây dựng kế hoạch bổ sung năng lượng điện đáp ứng nhu cầu sử dụng điện của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn Thành phố phục vụ cho mục đích chuyển đổi phương tiện sử dụng năng lượng hóa thạch sang phương tiện sử dụng điện. Từng bước phát triển mô hình “trạm trung chuyển đa phương thức”, tích hợp giữa xe buýt - đường sắt đô thị - xe đạp công cộng - không gian đi bộ.

9. Tăng cường quốc phòng, an ninh; Đẩy mạnh triển khai đồng bộ, sáng tạo hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế sâu rộng, toàn diện, hiệu quả

9.1. Giao Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan:

- Tham mưu xây dựng, củng cố khu vực phòng thủ Thành phố ngày càng vững chắc; hoàn thiện hệ thống văn kiện tác chiến, phương án phòng thủ dân sự, phòng chống thiên tai, cứu hộ cứu nạn và bảo vệ các mục tiêu trọng yếu. Nâng cao chất lượng huấn luyện, diễn tập khu vực phòng thủ, diễn tập phòng thủ dân sự, diễn tập phòng chống khủng bố, xử lý các tình huống an ninh phi truyền thống. Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên vững mạnh, rộng khắp; nâng cao khả năng sẵn sàng chiến đấu trong mọi tình huống.

- Đẩy nhanh đầu tư xây dựng các công trình quốc phòng, căn cứ chiến đấu, căn cứ hậu phương, công trình phòng thủ theo quy hoạch thể trận quân sự khu vực phòng thủ Thủ đô.

9.2. Giao Công an Hà Nội chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan:

- Chủ động nhận diện, dự báo sớm các nguy cơ tác động đến an ninh chính trị, an ninh kinh tế, an ninh xã hội, an ninh mạng; tham mưu xử lý kịp thời các vấn đề phức tạp phát sinh. Tập trung đấu tranh, ngăn chặn hiệu quả các hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, phản động; bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong không gian mạng.

- Triển khai đồng bộ các giải pháp kéo giảm tội phạm; nâng cao hiệu quả đấu tranh với tội phạm công nghệ cao, tội phạm có tổ chức, tội phạm xuyên quốc gia, tội phạm ma túy, tham nhũng, kinh tế và môi trường. Bảo đảm tuyệt đối an ninh, an toàn các sự kiện chính trị, đối ngoại quan trọng diễn ra trên địa bàn Thủ đô.

9.3. Văn phòng UBND Thành phố chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan: Thúc đẩy triển khai các cam kết, thỏa thuận quốc tế đã ký kết, và mở rộng

tiềm năng thông qua ký kết hợp tác trong các lĩnh vực còn dư địa, các dự án trọng tâm, trọng điểm, tiêu biểu, thuộc ưu tiên, mang tính biểu tượng với các địa phương, đối tác chiến lược, chủ chốt; các dự án góp phần tạo động lực mới cho tăng trưởng, bù đắp cho động lực xuất khẩu trong bối cảnh tình hình kinh tế - thương mại toàn cầu diễn biến phức tạp.

10. Nâng cao năng lực quản trị xã hội; kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

10.1. Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan:

- Xây dựng và triển khai các Kế hoạch liên quan đến công tác CCHC giai đoạn: Kế hoạch CCHC giai đoạn 2026 - 2030; Kế hoạch SIPAS giai đoạn 2026 - 2030; Kế hoạch tuyên truyền CCHC giai đoạn 2026 - 2030; Kế hoạch triển khai việc chuyển đơn vị sự nghiệp công lập sang tự chủ giai đoạn 2026 - 2030.

Tiếp tục tập trung rà soát, đánh giá hiệu quả để tiếp tục đề xuất phương án thực hiện phân cấp, phân quyền trong giải quyết TTHC, nhất là các nhóm có thủ tục hồ sơ hành chính nhiều giao dịch: Tư pháp, Đất đai, Xây dựng, Lao động, Thương binh và Xã hội, Bảo hiểm, Thuế....

- Tham mưu Thành phố ban hành: Quyết định về phân cấp quản lý tổ chức bộ máy doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước thuộc UBND Thành phố, Quyết định sửa đổi bổ sung Quyết định số 18/2021/QĐ-UBND về đánh giá, xếp loại chất lượng hàng năm của người quản lý, kiểm soát viên tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

10.2. Thanh tra Thành phố chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan: Tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch số 87/KH-UBND ngày 06/3/2026 của UBND Thành phố về rà soát, tổng hợp, phân loại, đánh giá, đề xuất giải pháp, lộ trình xử lý, giải quyết dứt điểm các kết luận thanh tra còn tồn đọng trên địa bàn thành phố Hà Nội.

IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU VỀ TÀI CHÍNH, ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

1. Nhiệm vụ, giải pháp về tài chính

1.1. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu:

- Quản lý, điều hành ngân sách nhà nước hiệu lực, hiệu quả.
- Xây dựng mức bội chi ngân sách Thành phố hằng năm bảo đảm trong phạm vi dự toán trung ương giao hằng năm và mục tiêu giai đoạn 2026 - 2030 và theo nhu cầu, tiến độ giải ngân các nhiệm vụ đầu tư phát triển; thực hiện đánh giá hằng năm và giữa kỳ, kịp thời kiến nghị điều chỉnh mục tiêu khi có biến động lớn, bảo đảm khả thi và đáp ứng mục tiêu tăng trưởng kinh tế. Thực hiện giải pháp dự phòng để bảo đảm an ninh, an toàn cân đối tổng thể ngân sách Thành phố.

- Không quy định phân cấp nguồn thu ngân sách nhà nước, để lại nguồn thu ngân sách trung ương khác với quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Kết luận số 93-KL/TW của Bộ Chính trị (trừ trường hợp theo chủ trương của cấp có thẩm quyền).

- Triển khai áp dụng hiệu quả Luật Quản lý nợ công, Luật Thủ đô và các quy định của pháp luật về nợ chính quyền địa phương, tăng cường quản lý rủi ro nợ chính quyền địa phương, nâng cao minh bạch trong huy động, sử dụng và báo cáo thông tin nợ chính quyền địa phương. Chủ động điều hành linh hoạt về công cụ, hình thức vay, kỳ hạn vay, thời điểm vay và khối lượng vay trong năm, gắn với công tác quản lý ngân quỹ, góp phần giảm chi phí, giảm áp lực huy động vốn cho ngân sách nhà nước, đáp ứng nhu cầu huy động và dự phòng trong thời điểm thị trường không thuận lợi, bảo đảm an toàn nợ công.

1.2. Các sở, ban, ngành, đoàn thể thuộc Thành phố và UBND các xã phường:

- Triệt để tiết kiệm chi thường xuyên, đặc biệt là chi hội nghị, hội thảo, đi công tác trong và ngoài nước.

- Trong điều kiện ngân sách còn khó khăn, tận dụng tối đa công năng sử dụng các trụ sở làm việc hiện có; hạn chế tối đa việc xây dựng trụ sở, trung tâm hành chính mới của Thành phố và tại các xã, phường; các sở, ban, ngành, đoàn thể thuộc Thành phố và các xã, phường chịu trách nhiệm về sự cần thiết khi quyết định, bảo đảm hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước, không để ảnh hưởng đến các mục tiêu quan trọng khác, chống lãng phí, tiêu cực.

- Thuế thành phố Hà Nội chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu: Nâng cao chất lượng nguồn thu, mở rộng cơ sở thu, tập trung khai thác các nguồn thu mới, tăng tính bền vững của ngân sách Thành phố; không ban hành các cơ chế, chính sách, quy định đặc thù về miễn, giảm, ưu đãi thuế cao hơn quy định của pháp luật về thuế, pháp luật khác về thu ngân sách nhà nước (trừ các cơ chế, chính sách theo quy định của Luật Thủ đô).

- Cơ quan đại diện chủ sở hữu, các Tổng công ty, doanh nghiệp nhà nước của Thành phố: Quản lý, sử dụng hiệu quả nguồn lợi nhuận sau thuế của khu vực doanh nghiệp nhà nước, vừa thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế nhà nước, vừa không ảnh hưởng lớn tới nguồn thu của ngân sách nhà nước.

2. Nhiệm vụ, giải pháp về đầu tư công trung hạn

2.1. Giao Sở Tài chính:

- Trên cơ sở Nghị quyết của Quốc hội về kế hoạch đầu tư công trung hạn 2026-2030 và thông báo nguồn vốn của Thủ tướng Chính phủ, chủ trì, phối hợp với các đơn vị rà soát, hoàn thiện và tham mưu UBND Thành phố trình HĐND Thành phố điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2026-2030 của Thành phố. Trong đó yêu cầu các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường, các chủ đầu tư đảm bảo các nội dung theo chỉ đạo của UBND Thành phố tại Văn bản số 2132/UBND-KT ngày 17/5/2026 về việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 23/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ;

- Chủ động làm việc với Bộ Tài chính để rà soát, tham mưu cấp có thẩm quyền sửa đổi Nghị quyết số 188/2025/QH15 nhằm tăng tổng mức vốn NSTW trong nước hỗ trợ cho Thành phố để triển khai thực hiện các dự án đường sắt đô thị.

- Tiếp tục rà soát khả năng huy động nguồn vốn thực hiện triển khai Kế hoạch như nguồn trái phiếu/quỹ tài chính/vay khác...;

2.2. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Rà soát quỹ đất và nguồn thu từ đất trong trường hợp các tuyến đường sắt, các dự án giao thông trọng điểm được đẩy nhanh tiến độ;

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị rà soát các khó khăn, vướng mắc trong công tác giải phóng mặt bằng để tham mưu UBND Thành phố các cơ chế, chính sách đặc thù nhằm tháo gỡ điểm nghẽn trong công tác giải phóng mặt bằng, góp phần đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án, đặc biệt là các dự án thực hiện theo lệnh khẩn cấp, các dự án giao thông có tính chất liên kết vùng, các dự án quan trọng, trọng điểm khác của Thành phố;

- Dự báo nhu cầu, xây dựng Kế hoạch khai thác, tìm kiếm nguồn cung nguyên vật liệu xây dựng cho các dự án triển khai trên địa bàn trong đó ưu tiên khai thác các nguồn cung lân cận theo khu vực triển khai công trình để tiết kiệm các chi phí phát sinh và bảo vệ môi trường.

2.3. Giao Sở Xây dựng

- Chủ trì hướng dẫn tháo gỡ khó khăn, vướng mắc liên quan đến hợp đồng trọn gói và hợp đồng theo đơn giá cố định đối với các dự án đầu tư công trên địa bàn Thành phố. Đảm bảo đến hết năm 2026 không còn dự án chuyển tiếp nào có khó khăn, vướng mắc liên quan đến nội dung này;

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan rà soát, tham mưu UBND Thành phố cơ chế, chính sách xử lý đối với trường hợp khó khăn về nhà ở khi Nhà nước thu hồi đất; nghiên cứu phương án quản lý, sử dụng hiệu quả quỹ nhà thương mại và nhà ở xã hội ngoài ngân sách phục vụ tái định cư, bảo đảm phù hợp thực tiễn và khả năng triển khai; hoàn thiện quỹ nhà tái định cư đảm bảo tiêu chuẩn, chất lượng để bố trí tái định cư ngay khi người dân chấp thuận;

- Tăng cường các biện pháp quản lý, áp dụng chế tài về quản lý giá đối với nguyên, vật liệu xây dựng; Kịp thời thông báo giá vật liệu xây dựng hàng tháng đảm bảo phù hợp với giá thị trường; nâng cao công tác dự báo sự biến động về nguồn cung và biến động giá nguyên vật liệu.

2.4. Giao Sở Nội vụ

- Xây dựng kế hoạch đề định kỳ tổ chức các hội chợ việc làm chuyên ngành xây dựng, hỗ trợ kết nối cung - cầu lao động; nghiên cứu chính sách thu hút tuyển dụng lao động từ các tỉnh lân cận, vùng miền hoặc nhập khẩu lao động có tay nghề từ các nước thu nhập thấp;

- Tiếp tục tham mưu Thành phố đưa kết quả giải ngân làm tiêu chí hàng đầu để đánh giá, xếp loại và khen thưởng cán bộ, lãnh đạo hàng năm; gắn trách

nhệm cá nhân với tiến độ từng công trình và phân công nhiệm vụ cụ thể bảo đảm “rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ thẩm quyền, rõ thời gian, rõ kết quả” để làm cơ sở kiểm tra, đánh giá. Đồng thời nghiên cứu cơ chế kịp thời khen thưởng đột xuất đối với các đơn vị, cá nhân có những đóng góp tích cực, hiệu quả trong công tác thực hiện kế hoạch đầu tư công.

2.5. Giao các Sở: Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường, Giáo dục và Đào tạo, Y tế, Văn hóa và Thể thao, Du lịch, Công thương, Khoa học và Công nghệ, Nội vụ:

- Trên cơ sở hướng dẫn của các bộ, ngành, trung ương nếu có, các sở quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực khẩn trương tham mưu UBND Thành phố hướng dẫn đánh giá hiệu quả đầu tư theo từng ngành, lĩnh vực phụ trách bảo đảm phù hợp với thực tiễn, điều kiện kinh tế - xã hội, quy hoạch và định hướng, mục tiêu phát triển ngành, lĩnh vực của Thành phố. Việc hướng dẫn đánh giá hiệu quả kinh tế - xã hội, hiệu quả đầu tư phải bảo đảm không làm phát sinh các thủ tục hành chính mới làm chậm quá trình phân bổ, sử dụng vốn đầu tư công theo đúng yêu cầu tại Chỉ thị 16/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

- Xây dựng danh mục dự án đầu tư công cấp Thành phố triển khai thực hiện trong giai đoạn 2026-2030 theo ngành, lĩnh vực theo dõi, quản lý đảm bảo phù hợp với Văn kiện Đại hội, định hướng phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch của Thành phố, các chương trình, chỉ đạo của Trung ương, Thành ủy, HĐND, UBND Thành phố.

2.6. Giao các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Giáo dục và Đào tạo, Y tế, Văn hóa và Thể thao, Dân tộc và tôn giáo phối hợp Xây dựng nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Thành phố và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách cấp xã để thực hiện tất cả các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026-2030 đã được Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư; trong đó xác định rõ: Thứ tự ưu tiên đầu tư, nguồn vốn thực hiện các chương trình, cơ chế lồng ghép nguồn vốn đầu tư giữa các chương trình mục tiêu quốc gia đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm, đồng bộ, tránh chồng chéo giữa các chương trình và đảm bảo sự công bằng giữa các đơn vị và gắn với việc thực hiện chỉ tiêu, mục tiêu của các chương trình và chỉ tiêu kinh tế - xã hội.

2.7. Giao UBND các xã, phường

- Trên cơ sở hướng dẫn, chỉ đạo của UBND Thành phố, UBND các xã, phường cần đảm bảo xây dựng Kế hoạch phải dựa trên cơ sở rà soát nguồn lực, khả năng cân đối nguồn vốn của địa phương, tập trung bố trí đủ vốn để hoàn thành theo đúng tiến độ các dự án chuyển tiếp (nếu xác định cần tiếp tục triển khai). Đảm bảo cơ sở tính toán khi rà soát nguồn lực, tránh việc dự kiến nguồn lực cao hơn thực tế để phê duyệt chủ trương đầu tư mà không triển khai dự án; Không chủ động xây dựng Kế hoạch trung hạn đối với nguồn vốn ngân sách Thành phố hỗ trợ, phải xây dựng trên Nghị quyết của HĐND Thành phố hoặc Quyết định của UBND Thành phố.

- Trong công tác GPMB: yêu cầu UBND các xã, phường: Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động, thuyết phục để các tổ chức, cá nhân trong diện GPMB đồng thuận và chấp hành tốt chính sách, chủ trương của Nhà nước nhằm giải phóng quỹ đất sạch, mặt bằng sạch để đẩy nhanh tiến độ thi công; Chủ động rà soát xây dựng, hoàn thiện quỹ đất tái định cư trên địa bàn. Đồng thời thực hiện các biện pháp nhằm tăng cường kỷ luật, kỷ cương của Thành phố trong công tác giải phóng mặt bằng.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành Thành phố, Chủ tịch UBND các xã, phường và người đứng đầu các cơ quan, đơn vị thuộc Thành phố:

a) Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao; các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ tại Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, Kết luận số 18-KL/TW của Bộ Chính trị, các nghị quyết, chương trình, kế hoạch của Trung ương, Thành ủy, HĐND và UBND Thành phố, chủ động rà soát, cập nhật, bổ sung các nhiệm vụ thuộc ngành, lĩnh vực, địa bàn quản lý vào chương trình, kế hoạch công tác của cơ quan, đơn vị; cụ thể hóa thành các đề án, chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ, giải pháp và lộ trình triển khai thực hiện, bảo đảm xác định rõ mục tiêu, sản phẩm đầu ra, tiến độ hoàn thành và trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị, cá nhân liên quan.

Đối với các nhiệm vụ đã có chủ trương, cơ chế, chính sách hoặc văn bản chỉ đạo của Trung ương và Thành phố, các cơ quan, đơn vị chủ động tổ chức triển khai thực hiện ngay, bảo đảm kịp thời, hiệu quả, tránh chồng chéo, hình thức hoặc phát sinh thêm thủ tục không cần thiết.

b) Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra; phấn đấu hoàn thành ở mức cao nhất các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và bảo đảm an sinh xã hội trên địa bàn Thành phố.

Trong quá trình thực hiện, cần quán triệt sâu sắc các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị; phát huy tinh thần đoàn kết, trách nhiệm, đổi mới sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung; nâng cao chất lượng công tác dự báo, chủ động nhận diện các khó khăn, thách thức, kịp thời tham mưu các giải pháp ứng phó phù hợp; huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực để thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển Thủ đô.

c) Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc triển khai thực hiện Kế hoạch này; định kỳ hằng quý, 6 tháng, hằng năm hoặc đột xuất theo yêu cầu báo cáo UBND Thành phố kết quả thực hiện, những khó khăn, vướng mắc và đề xuất các giải pháp xử lý. Trường hợp cần điều chỉnh, bổ sung nhiệm vụ, các cơ quan, đơn vị chủ động tổng hợp, báo cáo UBND Thành phố (qua Sở Tài chính) để xem xét, quyết định theo thẩm quyền.

2. Giao Sở Tài chính là cơ quan thường trực, chủ trì theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc triển khai thực hiện Kế hoạch; phối hợp với các sở, ngành, địa phương tổng

hợp tình hình thực hiện, tham mưu UBND Thành phố chỉ đạo, điều hành, kịp thời tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc phát sinh; định kỳ báo cáo Thành ủy, HĐND Thành phố, UBND Thành phố và các cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

3. Các sở, ban, ngành Thành phố, UBND các xã, phường căn cứ nhiệm vụ được giao xây dựng kế hoạch triển khai hằng năm; lồng ghép với các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đầu tư công, cải cách hành chính, chuyển đổi số và các chương trình mục tiêu khác của Thành phố nhằm bảo đảm tính đồng bộ, hiệu quả và khả thi trong tổ chức thực hiện.

4. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố, các tổ chức chính trị - xã hội, các đoàn thể, cộng đồng doanh nghiệp, hiệp hội ngành nghề và Nhân dân Thủ đô tăng cường phối hợp, giám sát, đồng hành cùng các cấp chính quyền trong quá trình tổ chức thực hiện; phát huy vai trò phản biện xã hội, tạo sự đồng thuận và huy động sức mạnh tổng hợp của toàn xã hội để hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra.

5. Giao Sở Văn hóa và Thể thao chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, cơ quan báo chí của Thành phố đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền về các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch; kịp thời phổ biến các mô hình hay, cách làm hiệu quả, gương điển hình tiên tiến; tạo khí thế thi đua, đồng thuận xã hội và quyết tâm cao trong toàn hệ thống chính trị, cộng đồng doanh nghiệp và Nhân dân Thủ đô nhằm thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố trong giai đoạn 2026-2030./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ;
- VPCP; Bộ Tài chính;
- TTTU, TT HĐND TP;
- Chủ tịch UBND TP;
- Các Đ/c PCT UBND TP;
- Các Sở, Ban, ngành; Thường trực cấp ủy và HĐND, UBND các xã, phường;
- VPUB; CVP, các PCVP, các phòng chuyên môn;
- Lưu: VT, KT.



TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Xuân Lưu

PHỤ LỤC 1: CHỈ TIÊU CHỦ YẾU PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2026 CỦA THÀNH PHỐ HÀ NỘI

(Kèm theo Kế hoạch số 262 /KH-UBND ngày 07/ 7/2026 của UBND thành phố Hà Nội)

TT	Chỉ tiêu phát triển	Đơn vị	Quyết định 5969/QĐ-UBND ngày 28/11/2025; Quyết định số 6333/QĐ-UBND ngày 19/12/2025					Chỉ thị 11/CT-UBND ngày 14/5/2026					Kết luận 18-KL/TW ngày 2/4/2026; Nghị quyết 109/NQ-CP ngày 16/4/2026; Nghị quyết 169/NQ-CP ngày 27/6/2026			Đơn vị chủ trì	Ghi chú
			CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH					CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH					CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH				
			2026	QI	QII	QIII	QIV	2026	Thực hiện QI	QII	QIII	QIV	2026	Mục tiêu 2026-2030	Ghi chú		
I	Về kinh tế																
1	GRDP giá hiện hành, năm cuối kỳ	1.000 tỷ đồng	1.742,5	388,0	434,0	445,0	475,5									Thống kê HN	
2	Tăng trưởng GRDP	%	11,00	10,23	10,47	11,22	11,87	11,00	7,87	10,47	11,86	13,08	11,00	11,00		Thống kê HN	
2.1	Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	%	3,60	3,43	2,80	4,34	4,06	3,6	3,73	2,8	4,34	3,76	3,60	4,00		Sở NNMT	
2.2.	Khu vực công nghiệp và xây dựng	%											11,16	12,50		Sở Công Thương; Sở Xây dựng	
-	Công nghiệp	%	9,70	8,73	9,40	9,85	10,43	9,61	7,08	9,25	10,31	10,88	9,70	10,50		Sở Công Thương	
-	Trong đó: Công nghiệp chế biến, chế tạo	%											9,61	>9		Sở Công Thương	
2.3	Xây dựng	%	13,46	10,17	11,96	13,97	15,31	13,46	7,62	11,96	14,56	15,93	13,46	15,40		Sở Xây dựng	
2.4	Dịch vụ	%	11,54	11,06	11,07	11,73	12,21	11,55	8,17	11,07	12,51	14,03	11,54	11,50		Thống kê HN	
-	Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	%	13,12	12,28	12,07	13,61	14,29	13,12	9,64	12,07	14,19	16,04	13,12	13,00		Sở Công Thương	
-	Vận tải kho bãi	%	13,54	14,00	12,73	13,46	13,99	13,54	14,56	12,73	13,3	13,56	13,54	13,00		Sở Xây dựng	
-	Dịch vụ lưu trú và ăn uống	%	13,00	12,89	12,21	12,91	13,74	13	5,16	12,21	14,79	18,01	13,00	13,00		Sở Du lịch	
-	Thông tin và truyền thông	%	11,34	10,80	11,27	11,47	11,77	11,34	7,01	11,27	12,04	14,74				Sở KHCN	
-	Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	%	10,70	9,77	10,37	10,93	11,36	10,7	7,92	10,37	11,5	12,07	10,70	11,00		Sở Tài chính;NHNN KVI	
-	Hoạt động kinh doanh bất động sản	%	9,56	9,04	9,31	9,59	10,16	9,56	0,81	9,31	12,49	14,85				Sở Xây dựng	
-	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ	%	10,07	9,08	9,86	10,21	10,84	10,07	8,02	9,86	10,78	11,14	10,07	10,00		Sở KHCN	
-	Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	%	12,95	12,67	11,86	13,63	13,80	12,95	3,86	11,86	16,53	19,94				Thống kê HN	
-	Hoạt động của Đảng cộng sản, tổ chức chính trị- xã hội, quản lý nhà nước, an ninh quốc phòng; bảo đảm xã hội bắt buộc	%	10,00	9,48	9,81	10,15	10,45	10	7,44	9,81	10,71	11,62				Thống kê HN	
-	Giáo dục và đào tạo	%	9,96	9,34	9,72	9,97	11,26	9,96	9,21	9,72	10,54	10,82				Sở GDĐT	
-	Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	%	10,07	9,73	9,96	10,32	10,39	10,07	7,35	19,96	10,9	12,72				Sở Y tế	
-	Nghệ thuật, vui chơi và giải trí	%	11,11	11,58	10,13	11,26	11,47	11,11	8,59	10,13	11,83	12,93				Sở VH TT	
-	Hoạt động dịch vụ khác	%	8,32	7,24	8,14	8,61	9,10	8,32	4,22	8,14	9,2	11,09				Thống kê HN	
-	Hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	%	9,36	8,75	9,02	9,61	10,00	9,36	8,53	9,02	9,71	10,09				Thống kê HN	
2.5	Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	%	8,31	7,69	8,25	8,62	8,67	8,31	7,12	8,25	8,77	9,04	8,31	4,70		Thống kê HN	
3	GRDP bình quân/người	Tr. đồng	198										208,38	315,73	đến năm 2030	Thống kê HN	Số liệu cập nhật theo tỷ giá USD/VND hiện hành
-	Tốc độ tăng chỉ số sản xuất công nghiệp bình quân hằng năm (IIP)	%											11-12	11-12		Thống kê HN	
-	Tỉ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GRDP	%											17-18	17-18		Thống kê HN	
-	Gia trị tăng thêm của ngành chế biến, chế tạo bình quân đầu người	USD											>1000	>1000		Thống kê HN	
-	Tăng trưởng tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng	%											12,70	13,8		Thống kê HN	
4	Tỷ trọng kinh tế số trong GRDP	%	35													Sở KHCN	

TT	Chỉ tiêu phát triển	Đơn vị	Quyết định 5969/QĐ-UBND ngày 28/11/2025; Quyết định số 6333/QĐ-UBND ngày 19/12/2025					Chỉ thị 11/CT-UBND ngày 14/5/2026					Kết luận 18-KL/TW ngày 2/4/2026; Nghị quyết 109/NQ-CP ngày 16/4/2026; Nghị quyết 169/NQ-CP ngày 27/6/2026			Đơn vị chủ trì	Ghi chú
			CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH					CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH					CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH				
			2026	QI	QII	QIII	QIV	2026	Thực hiện QI	QII	QIII	QIV	2026	Mục tiêu 2026-2030	Ghi chú		
5	Tỷ trọng công nghiệp văn hóa trong GRDP	%	5,0										7,00	9,00		Sở VH TT	
6	Đóng góp của TFP vào tăng trưởng	%	60													Viện KTXH HN	
7	Thu ngân sách nhà nước	1.000 tỷ đồng	650,1	187,7	152,5	147,5	162,5									Sở Tài chính	
-	Thuế xuất nhập khẩu	1.000 tỷ đồng	36,6	7,3	8,8	9,5	11,0									Chi cục HQ KVI	
-	Thu dầu thô	1.000 tỷ đồng	3,5	0,9	0,9	0,9	0,9									Thuế TP HN	
-	Thu nội địa	1.000 tỷ đồng	610,0	179,5	142,8	137,1	150,6									Thuế TP HN	
8	Vốn đầu tư xã hội thực hiện trên địa bàn	1.000 tỷ đồng	730,0	109,1	157,4	193,8	269,7	730,0	102,3	157,4	196,0	274,3	730,00	5000,0		Sở Tài chính	
9	Kim ngạch xuất khẩu tăng	%	12,0	8,7	16,0	41,8	11,7	12,0	-8,6	10	18	18	12,00	12,00		Sở Công Thương	
-	Trong đó: nhóm nông, lâm, thủy sản	%														Sở Công Thương	
-	Nhóm công nghiệp chế biến, chế tạo	%														Sở Công Thương	
-	Nhóm nhiên liệu, khoáng sản	%														Sở Công Thương	
10	Chỉ số giá tiêu dùng	%	< 4,5	< 4,5	< 4,5	< 4,5	< 4,5									Sở Công Thương	
11	Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa	%											10,00	10,00		Sở Công Thương	
12	Vốn FDI đăng ký	Tỷ USD	4,5	1,0	1,0	1,0	1,5	4,5	0,478	1	1,22	1,8				Sở Tài chính	
13	Tăng trưởng bình quân ngành công nghiệp văn hóa	%											7,00	9,00		Sở VH TT	
14	Số lượt khách quốc tế đến Việt Nam/Hà Nội đến năm 2030	triệu lượt											10,00	12-12.5		Sở Du lịch	
15	Tỷ lệ tổng vốn đầu tư toàn xã hội /GRDP	%											41,29	43,74		Sở Tài chính	
-	Tốc độ tăng năng suất lao động bình quân/năm	%											9,87	9,50		Sở Tài chính	
16	Tỉ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GRDP đến năm 2030	%											35	40		Sở KHCN	
17	Tỉ lệ DN có đổi mới sáng tạo/ tổng số DN trên địa bàn đến năm 2030	%											36,00	>=40		Sở KHCN	
18	Tăng trưởng điện thương phẩm bình quân	%											16,60	13.5-14.5		Sở Công Thương	
19	Số doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn đến năm 2030	ngàn DN											237,00	305		Sở Tài chính	
20	Tỷ lệ đô thị hóa đến năm 2030	%											65,00	65-70		Sở QHKT	
II Về văn hóa, xã hội																	
21	Dân số năm cuối kỳ	1.000 người	8.928,8													Thống kê HN	
22	Tuổi thọ trung bình tính từ lúc sinh	Tuổi	76,6										76,60	78,00		Sở Y tế	
-	Trong đó, số năm sống khỏe	Tuổi	67													Sở Y tế	
23	Chỉ số phát triển con người (HDI)	%	0,835										0,835	0,88		Thống kê HN	
24	Chỉ số hạnh phúc	Điểm	6,5/10													Viện KTXH HN	
25	Tỉ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động có việc làm trên địa bàn	%											4,00	4,00		Thống kê HN	
26	Số lao động có việc làm trong nền kinh tế	1.000 người	4.250													Thống kê HN	
27	Tỉ lệ lao động đã qua đào tạo	%	75,8													Sở Nội vụ	
-	Trong đó, tỉ lệ lao động có bằng cấp, chứng chỉ	%	55,5										55,50	60,00		Sở Nội vụ	
-	Tỉ lệ lao động có kỹ năng CNTT đến năm 2030	%											80	80-90		Sở KHCN	
28	Tỉ trọng quy mô đào tạo các ngành STEM	%											40	35,00		Sở GDĐT	
29	Tỉ lệ đào tạo lại, đào tạo thường xuyên cho lực lượng lao động đến năm 2030	%											60	60		Sở Nội vụ	
30	Tỷ lệ thất nghiệp đô thị	%	< 3,0													Sở Nội vụ	
31	Năng suất lao động năm cuối kỳ (giá hiện hành)	Tr. đồng/LĐ	410,0													Thống kê HN	

TT	Chi tiêu phát triển	Đơn vị	Quyết định 5969/QĐ-UBND ngày 28/11/2025; Quyết định số 6333/QĐ-UBND ngày 19/12/2025					Chỉ thị 11/CT-UBND ngày 14/5/2026					Kết luận 18-KL/TW ngày 2/4/2026; Nghị quyết 109/NQ-CP ngày 16/4/2026; Nghị quyết 169/NQ-CP ngày 27/6/2026			Đơn vị chủ trì	Ghi chú
			CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH					CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH					CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH				
			2026	QI	QII	QIII	QIV	2026	Thực hiện QI	QII	QIII	QIV	2026	Mục tiêu 2026-2030	Ghi chú		
32	Số bác sỹ/vạn dân	Bác sỹ	16,1									16,10	19,00		Sở Y tế		
33	Số giường bệnh/vạn dân	Giường	36,8												Sở Y tế		
34	Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế so với dân số	%	96,25									100,00	100		BHXX KVI		
35	Tỷ lệ lao động tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc trên lực lượng lao động	%	49									49	60	Bổ sung theo Công văn số 2551/BHXXH-VP ngày 14/5/2026 của BHXX thành phố Hà Nội	BHXX KVI		
36	Tỷ lệ lao động tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện trên lực lượng lao động	%	4									4	10		BHXX KVI		
37	Tỷ lệ lao động tham gia bảo hiểm thất nghiệp trên lực lượng lao động	%	46,5									46,5	50		BHXX KVI		
38	Tỷ lệ người dân được khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc miễn phí ít nhất mỗi năm 1 lần	%	100												Sở Y tế		
39	Số trường học công lập đạt chuẩn quốc gia:														Sở GDĐT		
-	Công nhận mới	Trường	88												Sở GDĐT		
-	Công nhận lại	Trường	183												Sở GDĐT		
-	Tỷ lệ trường công lập đạt chuẩn quốc gia	%	81,2												Sở GDĐT		
40	Tỷ lệ nghèo đa chiều (theo tiêu chí của Thành phố)	%	0												Sở NNMT		
41	Giảm tỉ lệ hộ nghèo(theo chuẩn nghèo đa chiều)	%/năm										Duy trì không còn hộ nghèo			Sở NNMT		
42	Thu nhập bình quân đầu người 01 tháng	Tr. đồng/ người	9,0												Thống kê HN		
43	Tỷ lệ dân số được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung	%	100												Sở Xây dựng, Sở NNMT		
44	Tỉ lệ người dân được hưởng chính sách khám sức khỏe hằng năm	%										96,25	100		Sở Y tế		
45	Số xã được công nhận NTM (tiêu chí 2026 - 2030)	Xã	3												Sở NNMT		
III	Về quy hoạch, đô thị, nông thôn và môi trường																
46	Tỷ lệ đô thị hóa	%	65												Sở QHKT		
47	Tỷ lệ vận tải HKCC đáp ứng nhu cầu đi lại của người dân	%	22												Sở Xây dựng		
48	Tổng số nhà ở xã hội hoàn thành	Căn nhà	18.000												Sở Xây dựng		
49	Diện tích nhà ở bình quân	m²/người	30,5												Sở Xây dựng		
50	Diện tích cây xanh đô thị bình quân	m²/người	7,9												Sở Xây dựng		
51	Tỷ lệ che phủ rừng	%	5,53									5,53	6,20		Sở NNMT		
52	Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý	%	100												Sở NNMT		
53	Tỷ lệ chất thải y tế được xử lý	%	100												Sở Y tế		
54	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được phân loại tại nguồn, thu gom, xử lý theo tiêu chuẩn, quy chuẩn	%	100												Sở Xây dựng		
55	Tỷ lệ thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt đô thị	%	> 50,2												Sở Xây dựng		
56	Tỉ lệ xử lý và sử dụng nước thải ra môi trường lưu vực các sông (khu vực nội đô)	%										100,00	100,00		Sở Xây dựng		

TT	Chỉ tiêu phát triển	Đơn vị	Quyết định 5969/QĐ-UBND ngày 28/11/2025; Quyết định số 6333/QĐ-UBND ngày 19/12/2025					Chỉ thị 11/CT-UBND ngày 14/5/2026					Kết luận 18-KL/TW ngày 2/4/2026; Nghị quyết 109/NQ-CP ngày 16/4/2026; Nghị quyết 169/NQ-CP ngày 27/6/2026			Đơn vị chủ trì	Ghi chú
			CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH					CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH					CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH				
			2026	QI	QII	QIII	QIV	2026	Thực hiện QI	QII	QIII	QIV	2026	Mục tiêu 2026-2030	Ghi chú		
57	Tỉ lệ SXKD đạt quy chuẩn về môi trường	%										98-100	98-100		Sở NNMT		
58	Tỉ lệ cơ sở công nghiệp áp dụng sản xuất xanh đến năm 2030	%													Sở NNMT		
59	Tỉ lệ DN công nghiệp áp dụng giải pháp tiết kiệm , hiệu quả đến năm 2030	%										70,00	70-75		Sở Công thương		
60	Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	%	100									100,00	100		Ban QL Khu công nghệ cao và khu công nghiệp HN		
61	Tỷ lệ số ngày trong năm có chỉ số chất lượng không khí ở mức tốt và trung bình	%	> 80												Thống kê HN		

PHỤ LỤC 02: DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM ĐƯỢC GIAO TẠI NGHỊ QUYẾT SỐ 109/NQ-CP NGÀY 16/4/2026 CỦA CHÍNH PHỦ

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày / /2026 của UBND thành phố Hà Nội)

TT	Nhiệm vụ	Thời hạn	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả thực hiện và sản phẩm đầu ra	Ghi chú
A	Nhiệm vụ trọng tâm năm 2026 được giao tại Nghị quyết số 109/NQ-CP của Chính phủ					
I	Nhóm nhiệm vụ về tập trung hoàn thiện thể chế phát triển đồng bộ, hiện đại, cạnh tranh để tạo đột phá tăng trưởng					
1	Lập, điều chỉnh, phê duyệt các quy hoạch thuộc hệ thống quy hoạch bảo đảm đồng bộ, thống nhất với yêu cầu tăng trưởng "2 con số"	Quý II/2026	Sở Quy hoạch - Kiến trúc	Sở Tài chính		
2	Số hoá và làm sạch hệ thống dữ liệu đất đai	Quý II/2026	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Công an Thành phố; Trung tâm Phục vụ hành chính công; UBND xã, phường		
3	Hoàn thành các phương án và ban hành đầy đủ các quy định để xử lý triệt để khó khăn, vướng mắc liên quan đến các dự án tồn đọng, các dự án sử dụng đất trong các kết luận thanh tra, kiểm tra, giám sát, bản án và các vi phạm pháp luật về đất đai đến trước khi Luật Đất đai 2024 có hiệu lực; các bộ, địa phương phân đầu hoàn thành việc xử lý trong quý III/2026	Quý III/2026	Sở Tài chính	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Thanh tra Thành phố; các sở, ban, ngành theo chức năng, nhiệm vụ được giao		
4	Hoàn thành phương án xử lý vướng mắc cho các dự án năng lượng tái tạo	Quý II/2026	Sở Công Thương	Các sở, ban, ngành; UBND xã, phường; doanh nghiệp có dự án đề xuất phương án xử lý vướng mắc trong ngành, lĩnh vực phụ trách		
5	Hoàn thành phương án xử lý vướng mắc cho các dự án hạ tầng	Quý II/2026	Sở Xây dựng	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Tài chính; Sở Quy hoạch - Kiến trúc; Sở Nông nghiệp và Môi trường		

TT	Nhiệm vụ	Thời hạn	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả thực hiện và sản phẩm đầu ra	Ghi chú
6	Thiết lập cơ chế và xây dựng tiêu chí kiểm soát tiến độ triển khai dự án sử dụng đất đô thị và công nghiệp, kiên quyết xử lý các dự án chậm triển khai hoặc sử dụng đất kém hiệu quả; có chế tài và cơ chế tài chính xử lý đất bỏ hoang, kiên quyết thu hồi các dự án không triển khai theo cam kết	Quý II/2026	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Xây dựng; Sở Tài chính		
7	Hoàn thành việc cắt giảm 50% thời gian giải quyết thủ tục hành chính, 50% chi phí tuân thủ thủ tục hành chính của năm 2026 so với năm 2024 (ở Trung ương và địa phương) và phần đầu tiếp tục cắt giảm tối thiểu 30% các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, 100% các điều kiện kinh doanh không cần thiết; nghiên cứu thiết lập cơ quan chuyên trách làm đầu mối tiếp nhận, hỗ trợ và giải quyết dứt điểm các thủ tục hành chính cho doanh nghiệp	Quý II/2026	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Công an Thành phố, Sở Nội vụ; các sở, ban, ngành liên quan		
II	Nhóm nhiệm vụ về chuyển đổi mô hình tăng trưởng; đẩy mạnh cơ cấu lại các ngành, lĩnh vực; phát triển các khu vực doanh nghiệp, các mô hình kinh tế mới					
1	Xây dựng, triển khai Đề án phát triển du lịch với các giải pháp đột phá để đạt mục tiêu thu hút trên 12 triệu lượt khách du lịch quốc tế đến Hà Nội năm 2030	Quý III/2026	Sở Du lịch	Sở Nội vụ; Công an Thành phố; Sở Văn hóa và Thể thao; các sở, ban, ngành liên quan		
2	Rà soát bổ sung và giao mục tiêu tăng trưởng trên từng lĩnh vực như đầu tư, tăng trưởng các ngành và chuyển đổi số, đổi mới công nghệ... cho các địa phương, tập đoàn, doanh nghiệp nhà nước năm 2026 và giai đoạn 5 năm	Tháng 4/2026	Sở Tài chính	Sở Khoa học và Công nghệ; các sở, ban, ngành và đơn vị liên quan	- Ngày 25/5/2026, UBND Thành phố đã có Văn bản số 2301/UBND-KT gửi Bộ Tài chính về bổ sung dự kiến chỉ tiêu tăng trưởng của Hà Nội thực hiện Kết luận số 18-KL/TW của Trung ương và Nghị quyết số 109/NQ-CP của Chính phủ. - Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Lãnh đạo UBND Thành phố tại Văn bản số 9656/VP-KT ngày 24/5/2026 của Văn phòng UBND Thành phố về việc hoàn thiện Phương án sắp xếp, cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước thuộc UBND thành phố Hà Nội giai đoạn 2026-2030; Sở Tài chính đã có Văn bản số 9031/STC-ĐKDN ngày 07/6/2026 tham mưu UBND Thành phố báo cáo Thường trực, Ban Thường vụ Thành ủy về Phương án sắp xếp, cơ cấu lại DNNN và doanh nghiệp có vốn nhà nước thuộc UBND thành phố Hà Nội giai đoạn 2026 - 2030. Sở Tài chính đã ban hành các Quyết định giao chỉ tiêu đánh giá, xếp loại các doanh nghiệp năm 2026: số 4599/QĐ-STC ngày 31/3/2026; số 4600/QĐ-STC ngày 31/3/2026; số 4601/QĐ-STC ngày 31/3/2026; số 4602/QĐ-STC ngày 31/3/2026; số 4603/QĐ-STC ngày 31/3/2026; số 4604/QĐ-STC ngày 31/3/2026; số 4605/QĐ-STC ngày 31/3/2026; số 4606/QĐ-STC ngày 31/3/2026; số 4607/QĐ-STC ngày 31/3/2026; số 4608/QĐ-STC ngày 31/3/2026; số 4609/QĐ-STC ngày 31/3/2026; số 4610/QĐ-STC ngày 31/3/2026; số 4611/QĐ-STC ngày 31/3/2026; số 4612/QĐ-STC ngày 31/3/2026; số 4613/QĐ-STC ngày 31/3/2026; số 4614/QĐ-STC ngày 31/3/2026; số 4615/QĐ-STC ngày 31/3/2026; số 4616/QĐ-STC ngày 31/3/2026; số 4617/QĐ-STC ngày 31/3/2026; số 4618/QĐ-STC ngày 31/3/2026; số 4619/QĐ-STC ngày 31/3/2026; số 4620/QĐ-STC ngày 31/3/2026; số 4621/QĐ-STC ngày 31/3/2026; số 4622/QĐ-STC ngày 31/3/2026.	Hoàn thành
3	Hoàn thiện phương án đẩy mạnh sắp xếp, cổ phần hoá và thoái vốn doanh nghiệp có vốn nhà nước, bảo đảm hiệu quả, không làm thất thoát, lãng phí	Tháng 5/2026	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành		
4	Hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn, kỹ thuật quốc gia; siết chặt kỷ cương pháp luật về chất lượng sản phẩm, truy xuất nguồn gốc và bảo vệ người tiêu dùng	Tháng 12/2026 và thực hiện thường xuyên	Sở Công Thương	Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Y tế, Sở Khoa học và Công nghệ		

TT	Nhiệm vụ	Thời hạn	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả thực hiện và sản phẩm đầu ra	Ghi chú
III	Nhóm nhiệm vụ về tập trung phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phục vụ trực tiếp các hoạt động của nền kinh tế gắn với yêu cầu thúc đẩy tăng trưởng					
1	Xây dựng và vận hành thị trường dữ liệu; ban hành cơ chế thử nghiệm có kiểm soát (sandbox) trong các ngành, lĩnh vực	Quý II/2026	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành		
2	Xây dựng trung tâm dữ liệu quốc gia và trung tâm tính toán; bảo đảm thực hiện 100% dịch vụ công đủ điều kiện trực tuyến toàn trình	Quý III/2026	Công an Thành phố	Các sở, ban, ngành		
IV	Nhóm nhiệm vụ về phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại; thúc đẩy đô thị hoá và phát triển đô thị, liên kết vùng					
1	Phát triển đồng bộ, hiện đại hạ tầng văn hóa, xã hội	2026 và nhiệm vụ thường xuyên	Sở Văn hóa và Thể thao	Sở Du lịch		
V	Nhóm nhiệm vụ, giải pháp về tài chính quốc gia, đầu tư công trung hạn					
1	Triệt để tiết kiệm chi thường xuyên, đặc biệt là chi hội nghị, hội thảo, đi công tác trong và ngoài nước để tiết kiệm 10% và phấn đấu tiết kiệm thêm trên 5% chi thường xuyên, dành nguồn lực cho các nhiệm vụ an sinh xã hội, các dự án hạ tầng trọng điểm	2026	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành		
2	Các bộ, cơ quan, địa phương theo chức năng quản lý nhà nước ngành, lĩnh vực, địa bàn được giao hoàn thành hướng dẫn thực hiện phân bổ vốn cho các dự án theo kết quả đầu ra, gắn với hạch toán kinh tế - xã hội, đánh giá hiệu quả đầu tư theo quy định	Tháng 4/2026	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành	Văn bản chỉ đạo	
B	Nhiệm vụ, Đề án giai đoạn 2026-2030 được giao tại Nghị quyết 109/NQ-CP của Chính phủ					
I	XÁC LẬP MÔ HÌNH TĂNG TRƯỞNG MỚI, CƠ CẤU LẠI NỀN KINH TẾ, ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA, LẤY KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ LÀM ĐỘNG LỰC CHÍNH					
1	Thành lập, phát triển các khu thương mại tự do	2026 - 2030	Sở Công Thương	Các sở, ban, ngành		
II	PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐỒNG BỘ, HIỆN ĐẠI, KHAI THÁC HIỆU QUẢ KHÔNG GIAN PHÁT TRIỂN MỚI, LẤY ĐÔ THỊ LÀM ĐỘNG LỰC PHÁT TRIỂN VÙNG VÀ ĐẨY MẠNH XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI					
1	Các công trình hạ tầng quan trọng về giao thông, năng lượng, hạ tầng số, thủy lợi và phòng chống thiên tai đưa vào Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030.		Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành liên quan		

TT	Nhiệm vụ	Thời hạn	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả thực hiện và sản phẩm đầu ra	Ghi chú
III	NHÓM NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP VỀ TÀI CHÍNH QUỐC GIA, ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN					
1	Quản lý, điều hành NSNN hiệu lực, hiệu quả, bảo đảm vai trò chủ đạo của ngân sách trung ương, nâng cao chất lượng nguồn thu, mở rộng cơ sở thu, tăng tính bền vững của nền tài chính quốc gia. Triệt để tiết kiệm chi thường xuyên, đặc biệt là chi hội nghị, hội thảo, đi công tác trong và ngoài nước. Xây dựng mức bội chi NSNN hằng năm bảo đảm trong phạm vi mục tiêu giai đoạn 2026 - 2030 và theo nhu cầu, tiến độ giải ngân các nhiệm vụ đầu tư phát triển; thực hiện đánh giá hằng năm và giữa kỳ, kịp thời kiến nghị điều chỉnh mục tiêu khi có biến động lớn, bảo đảm khả thi và đáp ứng mục tiêu tăng trưởng kinh tế. Thực hiện giải pháp dự phòng để bảo đảm an ninh, an toàn tài chính quốc gia trong phạm vi cân đối NSNN.	2026 - 2030	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường		
2	Đối với chính sách đặc thù tài chính - NSNN của địa phương, tập trung khai thác các nguồn thu mới; không ban hành các cơ chế, chính sách, quy định đặc thù về miễn, giảm, ưu đãi thuế cao hơn quy định của pháp luật về thuế, pháp luật khác về thu NSNN. Không quy định phân cấp nguồn thu NSNN, để lại nguồn thu ngân sách trung ương khác với quy định của Luật NSNN, Kết luận số 93-KL/TW của Bộ Chính trị (trừ trường hợp theo chủ trương của cấp có thẩm quyền).	2026 - 2030	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường		
3	Tận dụng tối đa công năng sử dụng các trụ sở làm việc hiện có; hạn chế tối đa việc xây dựng trụ sở, trung tâm hành chính mới tại các tỉnh, thành phố; các bộ, ngành, cơ quan, địa phương chịu trách nhiệm về sự cần thiết khi quyết định, bảo đảm hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước, không để ảnh hưởng đến các mục tiêu quan trọng khác, chống lãng phí, tiêu cực.	2026 - 2030	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường		
4	Về bố trí kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2026-2030: các địa phương chủ động quyết định đầu tư theo quy hoạch và khả năng cân đối nguồn lực, phục vụ tốt nhất các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh trên địa bàn theo tinh thần "địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm". Quán triệt nguyên tắc bố trí vốn tập trung, không dàn trải, giảm số lượng dự án tối thiểu 30% so với giai đoạn 2021 - 2025, ưu tiên bố trí cho các dự án liên vùng, liên tỉnh, liên xã, có ý nghĩa quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Bảo đảm bố trí đủ vốn ngân sách địa phương tham gia các chương trình mục tiêu quốc gia và các dự án trọng điểm được Trung ương hỗ trợ đầu tư trên địa bàn, bố trí đủ vốn ngân sách địa phương tham gia các dự án sử dụng nhiều nguồn vốn theo cam kết.	2026-2030	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Nghị quyết của HĐND Thành phố - Quyết định của UBND Thành phố	

TT	Nhiệm vụ	Thời hạn	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả thực hiện và sản phẩm đầu ra	Ghi chú
5	Nâng cao hiệu quả phối hợp giữa đầu tư công với đầu tư xã hội. Hợp tác, vay vốn nước ngoài, vốn trái phiếu dài hạn, vốn của Nhân dân, doanh nghiệp, kết hợp với NSNN để triển khai các dự án lớn.	2026-2030	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường		
6	Quyết định thay thế Quyết định số 08/2022/QĐ-UBND ngày 10/02/2022 của UBND Thành phố về việc Ban hành Quy định phân công tổ chức giám sát, đánh giá chương trình, dự án đầu tư của thành phố Hà Nội	2026-2027	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Quyết định của UBND Thành phố	